

Số:

Đồng Nai, ngày tháng năm

THƯ MỜI

Nộp hồ sơ cung ứng thuốc (lần 03) sử dụng tại Nhà thuốc Bệnh Viện Nhi đồng Đồng Nai năm 2026 - 2027

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng!

Nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh và điều trị theo yêu cầu, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai gửi tới Quý công ty danh mục thuốc mời cung ứng vào Nhà thuốc (lần 03) của Bệnh viện năm 2026 – 2027 (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

Bệnh viện kính mời Quý công ty có năng lực và khả năng cung ứng các thuốc trong danh mục nêu trên, vui lòng gửi hồ sơ pháp lý của công ty và hồ sơ sản phẩm theo hướng dẫn trong mục Hồ sơ yêu cầu (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*).

Nguyên tắc xét chọn hồ sơ:

- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- Giá chào không được vượt quá đơn giá trúng thầu theo kết quả lựa chọn nhà thầu đã được đơn vị cung ứng nộp kèm theo hồ sơ, đồng thời không được cao hơn đơn giá trúng thầu tại Bệnh viện, Sở Y tế Đồng Nai, kết quả Đàm phán giá và thầu tập trung quốc gia đối với thuốc cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại.
- Các thuốc có cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế và nhóm tiêu chí kỹ thuật sẽ được xét duyệt dựa trên tiêu chí giá chào thấp nhất.

Hình thức: Đăng tải Thư mời cung ứng thuốc trên Website của Bệnh viện (<https://benhviennhidongnai.org.vn/>).

Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Nộp hồ sơ: Tại Khoa Dược, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày **25/8/2026**.

Mọi thắc mắc xin liên hệ: DS. Nguyễn Thị Vui, điện thoại: 038 6812 210.

Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

LÊ ANH PHONG

DANH MỤC THUỐC MỜI CUNG ỨNG (LẦN 03) SỬ DỤNG TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI NĂM 2026 - 2027

của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

I. THUỐC GENERIC

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	1	Montelukast		5mg	Viên	Uống	Viên	7.000						
11	1	Natri hyaluronat		1mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	150						
12	1	Paracetamol (acetaminophen)		150mg	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Đặt	Viên	13.000						
13	1	Paracetamol (acetaminophen)		300mg	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Đặt	Viên	2.100						
14	1	Paracetamol (acetaminophen)		500mg	Viên sủi	Uống	Viên	60.000						
15	1	Paracetamol (acetaminophen)		80mg	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Đặt	Viên	2.300						
16	1	Racecadotril		10mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	8.000						
17	1	Saccharomyces boulardii		$\geq 2,5 \times 10^9$ tế bào/250mg	Viên nang	Uống	Viên	6.000						
18	1	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)		2,5mg/2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Hô hấp	Ống/ Lọ	20.000						
19	1	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)		5mg/2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Hô hấp	Ống/ Lọ	2.500						
20	1	Sắt (dưới dạng sắt gluconat) + Mangan (dưới dạng mangan gluconat) + Đồng (dưới dạng đồng gluconat)		(50mg + 1,33mg + 0,7mg)/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	6.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
21	1	Vi khuẩn bất hoạt Lactobacillus LB (Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii); Môi trường nuôi cấy lên men trung tính		10 tỷ; 160mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	50.000						
22	2	Amoxicilin + acid clavulanic		500mg + 125mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	16.000						
23	2	Betamethasone		15mg/30g; 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	700						
24	2	Cefpodoxim		100mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	24.000						
25	2	Chlorpheniramin maleat		4mg	Viên	Uống	Viên	60.000						
26	2	Levofloxacin		0,5 %; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/ Lọ/ Ống	1.400						
27	2	Montelukast		4mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	12.000						
28	2	Piracetam		400mg	Viên nang	Uống	Viên	2.000						
29	2	Sultamicilin		375mg	Viên	Uống	Viên	4.200						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30	2	γ -amino- β -hydroxy-butyric acid (GABOB) + γ -amino butyric acid (GABA) + Magnesium glutamate hydrobromide (MGH) + Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)		0,037g + 0,075g + 0,075g + 0,037g	Viên	Uống	Viên	6.000						
31	3	Azithromycin		200mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	16.000						
32	3	Cefixime		75mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	13.000						
33	3	Cefpodoxime		100mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	24.000						
34	3	Cefpodoxime		100mg	Viên	Uống	Viên	4.000						
35	3	Cefpodoxime		50mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	60.000						
36	3	Esomeprazole		40mg	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên	5.000						
37	3	Paracetamol (acetaminophen)		150mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Uống	Gói/Túi	130.000						
38	3	Paracetamol (acetaminophen)		325mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Uống	Gói/Túi	44.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
39	4	Aciclovir		200mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	10.000						
40	4	Aciclovir		200mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	10.000						
41	4	Acid acetylsalicylic		81mg	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên	1.000						
42	4	Acid Fusidic		100mg/5g; 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	400						
43	4	Acid fusidic + Betamethason valerat		(2% + 0,1%); 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	200						
44	4	Alphachymotrypsin		4200 đơn vị USP hoặc 21 microkats hoặc 4,2mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	30.000						
45	4	Alphachymotrypsin		4200 đơn vị USP hoặc 21 microkats hoặc 4,2mg	Viên	Uống	Viên	62.000						
46	4	Ambroxol hydroclorid (Ambroxol HCl)		15mg/5ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	4.000						
47	4	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid		(7,5mg + 0,005mg)/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	4.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
48	4	Bào tử Bacillus clausii		$1 \times 10^9 - 2 \times 10^9$ CFU	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	63.000						
49	4	Calci glucoheptonat + Vitamin C + Vitamin PP		(1100mg + 100mg + 50mg)/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	10.000						
50	4	Calci lactat		500mg/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	10.000						
51	4	Calci lactat pentahydrat		65mg/ml; 8ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	10.000						
52	4	Captopril		25mg	Viên	Uống	Viên	2.400						
53	4	Cefdinir		125mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	9.000						
54	4	Cefdinir		250mg/5ml; 30ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	100						
55	4	Cyanocobalamin		0,2mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	2.000						
56	4	Desloratadin		0,5mg/ml; 15ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	20.000						
57	4	Desloratadin		1,25mg/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	21.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
58	4	Domperidon		1mg/ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống/ Gói/ Túi	15.000						
59	4	Domperidon		1mg/ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống/ Gói/ Túi	27.000						
60	4	Domperidon		5mg/5ml; 45ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	3.000						
61	4	Fluticasone propionate		50µg (mcg)/liều (0,05ml); 60 liều	Thuốc xịt mũi	Nhỏ mũi	Chai/ Lọ/ Bình	800						
62	4	Furosemid		20mg	Viên	Uống	Viên	800						
63	4	Hydrocortison acetat		1%; 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	600						
64	4	Ibuprofen		100mg/5ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	17.000						
65	4	Ibuprofen		200mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Uống	Gói/ Túi	20.000						
66	4	Ibuprofen		200mg/10ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	3.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
67	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)		15mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	40.000						
68	4	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat)		1mg/1ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống/ Lọ	40.000						
69	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfat heptahydrat)		2mg/ml; 15ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ/ Ống	40.000						
70	4	Levofloxacin		0,5 %; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/ Lọ/ Ống	1.400						
71	4	Magnesi hydroxid + Nhôm hydroxid + Simethicon		(400mg + 450mg + 50mg)/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói	10.000						
72	4	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon		(400mg + 300mg + 30mg)/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/ Túi	12.000						
73	4	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon		(400mg + 351,9mg + 50mg)/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/ Túi	11.000						
74	4	Magnesi lactat dihydrat + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)		470mg + 5mg	Viên	Uống	Viên	8.000						
75	4	Methylprednisolon		8mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	24.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
76	4	Mometasone furoate		50mcg/liều (0,1ml); 120 liều	Thuốc xịt mũi	Nhỏ mũi	Chai/ Lọ	200						
77	4	Montelukast		4mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	12.000						
78	4	Montelukast		5mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	7.000						
79	4	Montelukast		5mg	Viên	Uống	Viên	7.000						
80	4	Natri clorid + Natri citrat dihydrat + Kali clorid + Glucose khan + Kẽm		520mg + 580mg + 300mg + 2700mg + 5mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	25.000						
81	4	Omega-3 triglycerid (tương đương Docosahexaenoic acid (DHA) 20,05%; Eicosapentaenoic acid (EPA) 4,20%)		46,39% (w/v); 15ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Lọ	400						
82	4	Paracetamol (acetaminophen)		120mg/5ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	4.000						
83	4	Paracetamol (acetaminophen)		250mg/5ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	4.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
84	4	Paracetamol (acetaminophen)		325mg/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	42.000						
85	4	Piracetam		1200mg/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	4.000						
86	4	Piracetam		1200mg/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	4.000						
87	4	Piracetam		400mg/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	2.000						
88	4	Piracetam		800mg/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	4.000						
89	4	Prednison		5mg	Viên	Uống	Viên	36.000						
90	4	Rupatadine		1mg/ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	6.000						
91	4	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)		2mg/5ml; 100ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	1.900						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
92	4	Sắt (dưới dạng sắt (III) hydroxid polymaltose complex) + Acid folic		100mg + 0,35mg	Viên	Uống	Viên	3.000						
93	4	Simethicon		40mg/ml; 20ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	5.500						
94	4	Trimebutin (dưới dạng trimebutin maleat)		24mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/ Túi	45.000						
95	4	Vitamin C		100mg/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	25.000						
96	5	Cefpodoxim		40mg/5ml;50ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Lọ	3.000						
II. THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG														
97	BDG	Cefuroxim	Zinnat tablets 250mg	250mg	Viên	Uống	Viên	4.000						
III. THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN														
98	3	Cao khô lá thường xuân (11%)		0,035g/5ml; 100ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	2.000						

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng dự kiến	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
99	3	Dịch chiết Trần bì + Dịch chiết Núc nác + Dịch chiết Húng chanh + Dịch chiết Cát cánh + Dịch chiết An tức hương		(750mg + 100mg + 1000mg + 10mg + 500mg)/5ml; 90ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/ Lọ	3.000						
Tổng cộng: 99 mặt hàng														

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

HỒ SƠ YÊU CẦU

Cung ứng thuốc (lần 03)

sử dụng tại Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai năm 2026 - 2027

(Kèm theo Thư mời số: ngày tháng năm)

Đồng Nai, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

LÊ ANH PHONG

Đồng Nai, tháng 8/2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ

CHƯƠNG II. CÁC BIỂU MẪU

CHƯƠNG III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

MÔ TẢ TÓM TẮT

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp đơn vị cung ứng chuẩn bị hồ sơ. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

CHƯƠNG II. CÁC BIỂU MẪU

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bệnh viện và đơn vị cung ứng sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ cung ứng thuốc sử dụng tại Nhà thuốc Bệnh viện.

CHƯƠNG III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận của hợp đồng.

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ

1. Đơn đề nghị cung ứng thuốc (Biểu mẫu 01)

2. Hồ sơ pháp lý công ty

- Giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư/ Quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh hợp pháp phù hợp theo quy định của pháp luật (Bản chụp có chứng thực).
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược: do cấp có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực với phạm vi kinh doanh phù hợp mặt hàng tham gia cung ứng tại Nhà thuốc Bệnh viện (Bản chụp có chứng thực).
- Giấy chứng nhận thực hành tốt GDP và /hoặc GMP, GSP: do cấp có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực (Bản chụp có chứng thực).

3. Bản cam kết (Biểu mẫu 02)

4. Báo giá (Biểu mẫu 03)

- Bảng báo giá có chữ ký, họ tên của người đại diện hợp pháp và ghi rõ chức danh, đóng dấu/mộc công ty.
- Thông tin trên bảng báo giá theo đúng thông tin trên giấy phép lưu hành của sản phẩm.
- Ghi rõ thời gian hiệu lực báo giá.
- Đối với thuốc dạng lỏng được đóng trong chai/lọ/ống/gói: phải thể hiện được thể tích của đơn vị đóng gói.
- Trường hợp thuốc cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại với thuốc đã trúng thầu tại Bệnh viện, Sở Y tế Đồng Nai, kết quả Đàm phán giá và Thầu tập trung quốc gia thì giá mua vào không được cao hơn giá trúng thầu còn hiệu lực tại các đơn vị nêu trên.

5. Hồ sơ pháp lý sản phẩm

- Quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu, thỏa thuận khung của **chính** đơn vị tham gia cung ứng:
 - Đã ký kết với các cơ sở y tế công lập thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc theo Quyết định trúng thầu mua sắm tập trung cấp địa phương trong vòng 12 tháng gần đây (Tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ đề nghị cung ứng).
 - Hoặc trúng thầu tập trung cấp quốc gia, đàm phán giá còn hiệu lực của Thỏa thuận khung.

- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ Giấy phép nhập khẩu/ Quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì/gia hạn hiệu lực số đăng ký lưu hành và các tài liệu khác chứng minh sản phẩm phù hợp với thông tin thuốc trong hồ sơ mời cung ứng, đồng thời đáp ứng nhóm tiêu chí kỹ thuật tương ứng theo kết quả lựa chọn nhà thầu đã nộp. Trong trường hợp mặt hàng thuốc tham gia cung ứng có giấy đăng ký lưu hành sản phẩm hoặc giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực trước thời điểm kết thúc nhận hồ sơ cung ứng, công ty có văn bản cam kết đảm bảo thuốc cung ứng được sản xuất trong thời gian giấy phép còn hiệu lực và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng. Trong quá trình đánh giá, nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.

- Mẫu nhãn, hướng dẫn sử dụng của sản phẩm (01 bản chụp).

- Bản chụp thông tin giá kê khai, kê khai lại hoặc giá đã được công bố, công bố lại trên Website Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế và có đầy đủ hồ sơ kê khai giá theo quy định hiện hành (Đối với thuốc phải kê khai giá). Giá báo giá không được vượt quá mức giá bán buôn đã được kê khai, kê khai lại hoặc công bố, công bố lại.

Lưu ý:

- Hồ sơ tham gia cung ứng và các văn bản, tài liệu liên quan được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ yêu cầu có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

- Hồ sơ phải được đóng thành quyển, trên trang bìa cần thể hiện rõ tên công ty và tên sản phẩm, đánh số trang, xếp đúng thứ tự mục lục ở trang đầu.

- **Hồ sơ có nhiều sản phẩm:** Thứ tự sắp xếp hồ sơ các sản phẩm phải trùng thứ tự trên bảng báo giá.

CHƯƠNG II. CÁC BIỂU MẪU

Biểu mẫu 01

Công ty.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 2026

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cung ứng thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai

Kính gửi: Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai

Tên công ty:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Đại diện hợp pháp của công ty: Ông/Bà:

Chức vụ:

Sau khi nghiên cứu thư mời báo giá và hồ sơ yêu cầu của Bệnh viện, chúng tôi - **[Tên công ty]** kính gửi Quý bệnh viện Biểu mẫu hồ sơ cung ứng thuốc và đề nghị được cung ứng một số thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ, đúng các quy định hiện hành về quản lý thuốc.
- Giá chào cung ứng không cao hơn giá bán tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của công ty

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Công ty.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 2026

BẢN CAM KẾT

Công tytrân trọng gửi bảng báo giá Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai và xin cam kết các điều sau:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
- Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.
- Đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn thống nhất với hàng mẫu/ hình mẫu cung cấp trong Hồ sơ sản phẩm và thông tin đăng ký với Cục Quản lý Dược.
- Giao hàng trong vòng 48 - 72 giờ từ khi nhận được đơn đặt hàng của nhà thuốc Bệnh viện (bằng điện thoại, email,...).
- Trường hợp thuốc cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại với thuốc đã trúng thầu tại Bệnh viện, Sở Y tế Đồng Nai, kết quả Đàm phán giá và Thầu tập trung quốc gia thì giá mua vào không được cao hơn giá trúng thầu còn hiệu lực tại các đơn vị nêu trên.
- Tuân thủ các quy định kê khai, kê khai lại hoặc công bố, công bố lại giá bán buôn theo quy định của luật hiện hành.
- Hạn sử dụng còn lại của thuốc tính từ thời điểm cung ứng cho nhà thuốc phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thu hồi thuốc trong trường hợp thuốc đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của nhà thuốc Bệnh viện.

- Thuốc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Cục Quản lý Dược. Nhãn thuốc theo đúng quy chế nhãn, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.

Trân trọng./.

Đại diện hợp pháp của Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Công ty:.....
Địa chỉ:.....
Số ĐT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: **BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI**

Công ty.....xin trân trọng báo giá một số sản phẩm mà chúng tôi phân phối, cụ thể như sau:

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đường dùng	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	SĐK, GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															
.....															
Tổng cộng:khoản															

Công ty.....xin cam kết các thông tin ở trong bảng báo giá gửi Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai là chính xác. Nếu sai chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật hiện hành.

Bảng báo giá có hiệu lực **180 ngày** kể từ ngày ký.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của công ty
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BẢNG DANH MỤC SẢN PHẨM

Biểu mẫu 04

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất/ Thành phần	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	SDK, GPNK	Hãng SX – Nước SX	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Giá trúng thầu (VAT)	Quyết định, Thông báo trúng thầu	Số thông báo mời thầu	Tên công ty cung ứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															
.....															
Tổng:khoản															

BẢNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Biểu mẫu 05

Tên đầy đủ của doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Email	Điện thoại	Đăng ký kinh doanh	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được		GPP/ GDP/ GMP (Nếu có)		Người đại diện công ty	
						Số	Ngày hết hạn	Số	Ngày hết hạn	Họ tên, chức danh	Điện thoại

CHƯƠNG III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THUỐC NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026 - 2027

Hợp đồng số:..... - 2026/HĐNT-BVNĐ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVNĐĐN ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục thuốc và đơn vị cung ứng (lần 03) sử dụng tại Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai năm 2026 - 2027;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A (Bên mua): BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3891500.

Fax: 0251.3893556.

Tài khoản: 7201 101 205 003 Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3600360546

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1073743

Đại diện: **Ông LÊ ANH PHONG**

Chức vụ : Giám Đốc

Bên B (Bên bán): *[ghi tên Nhà thầu cung ứng]:*

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Số lượng thuốc cung ứng theo nhu cầu của Bên A.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A lập dự trù theo nhu cầu sử dụng thực tế và gửi trực tiếp đến Bên B thông qua một trong các hình thức: trực tiếp, điện thoại, email. Căn cứ vào dự trù nhận được, Bên B tiến hành cung ứng hàng hóa theo nội dung đề xuất. Giao khoa Dược Bệnh viện xây dựng dự trù và lưu trữ theo quy định.

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A các sản phẩm đầy đủ, đúng chủng loại, chất lượng, tiến độ tại điều 1 của hợp đồng này. Bên B cam kết thu hồi hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có văn bản thu hồi của cơ quan có thẩm quyền. Nếu sản phẩm biến chất trước thời hạn sử dụng ghi trên nhãn (nếu không vì lý do bảo quản) thì Bên B có trách nhiệm đổi lô hàng khác tương ứng cùng loại cùng quy cách. Trường hợp lô hàng bị biến chất nghiêm trọng với tỷ lệ trên 1% Bên A có quyền hủy hợp đồng;

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hàng hóa đảm bảo Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc được cung ứng cho Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai phải bảo đảm còn tối thiểu từ 1/3 hạn sử dụng của thuốc đó. Trường hợp hạn sử dụng còn dưới 1/3 hạn sử dụng của thuốc, nhà thầu làm văn bản giải trình lý do, cam kết mua lại khi hạn dùng của sản phẩm còn 03 tháng theo giá bán của Bên A số lượng còn lại tại Bên A;

- Bên B cam kết đơn giá các mặt hàng không vượt quá giá bán buôn đã kê khai/kê khai lại với cơ quan quản lý nhà nước; không được cao hơn giá trúng thầu tại Bệnh viện, Sở Y tế Đồng Nai, kết quả Đàm phán giá và thầu tập trung quốc gia đối với thuốc cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại. Trường hợp trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu phát sinh kết quả trúng thầu có giá thấp hơn giá đã ký, Bên B phải có văn bản điều chỉnh giảm giá tương ứng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hại đến người bệnh do sử dụng thuốc của Bên B cung cấp thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận giữa cơ sở y tế, nhà thầu với người bệnh.

- Bên B giao hàng theo dự trù của Bên A, hàng giao tại bên kho A, thời gian giao hàng chậm nhất là 48 - 72 giờ khi Bên B nhận được đơn đặt hàng của bên A. Bên B tuân thủ các yêu cầu về bảo quản và vận chuyển của nhà sản xuất. Khi giao hàng phải có biên bản hoặc giấy ghi cụ thể thời gian hàng xuất kho từ Bên B và thời gian hàng tới kho Bên A;

- Mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo số lượng thực mua bằng theo hình thức chuyển khoản. Bên B chịu phí chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam (VNĐ).

- Điều kiện thanh toán: Chi phí thuốc được xem là đủ điều kiện thanh toán khi thuốc đã được giao đủ cho cơ sở y tế, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;

3. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn tài chính và Bên A nhận được các chứng từ hợp lệ, hoặc sẽ được hai bên thỏa thuận cụ thể trong từng trường hợp.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hiệu lực thanh toán: Hiệu lực thanh toán nêu tại điều 5 của hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán cho đến khi Bên A hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Bên B.

- Sau khi Bên A nhận được đầy đủ sản phẩm theo nhu cầu và Bên B nhận được đầy đủ các khoản thanh toán thì xem như Hợp đồng đã được thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Chủ đầu tư giữ 03 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số: - 2026/HĐNT-BVNĐ ngày tháng năm 2026)

Tên công ty

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	SĐK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1															
2															
.....															
Tổng tiền:															
Tổng cộng.....khoản, có giá trị:															

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC